

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2021/HNGĐ-ST
Ngày 28-4-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Văn Đến;

Ông Vương Hoàng Phúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Kiên Thị Minh Hiếu, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Thôn - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 374/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Thạch Thị Thúy T, sinh năm 1991 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

2. *Bị đơn:* Anh Kiên S, sinh năm 1988 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

3. *Người phiên dịch:* Ông Nhan S (có mặt);

Địa chỉ: Ấp P, xã M, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 3 năm 2021 và các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, chị Thạch Thị Thúy T là nguyên đơn trình bày: Chị với anh Kiên S xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2008 trên cơ sở tự nguyện. Anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M vào ngày 26 tháng 4 năm 2011. Trong

quá trình chung sống anh chị có 02 con chung tên Kiên Thanh B, sinh ngày 01 tháng 5 năm 2010 và Kiên Minh T, sinh ngày 17 tháng 11 năm 2016. Hiện các con đang sống với anh S. Anh chị không tạo lập được tài sản chung và không có nợ chung.

Sau khi cưới nhau chị T làm dâu bên nhà chồng tại ấp T, xã M và đi làm công ty. Do thu nhập thấp nên đến năm 2018 chị T đi làm việc ở Đồng Nai cùng với chị em chồng. Hằng tháng chị gửi tiền về để chồng chị nuôi con. Tuy nhiên chồng chị ghen tuông vô cớ, cho rằng chị qua lại với người khác mà không có chứng cứ gì. Anh S làm tổn thương tinh thần chị trầm trọng. Hiện tại tình cảm của anh chị đã không còn. Mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài.

Nay nhận thấy không thể duy trì cuộc sống vợ chồng nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Chị T yêu cầu được ly hôn với anh S.
- Về con chung: Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Kiên Thanh B, sinh ngày 01 tháng 5 năm 2010 và Kiên Minh T, sinh ngày 17 tháng 11 năm 2016. Chị T không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo nội dung văn bản trình bày ý kiến, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, anh Kiên S là bị đơn trình bày: Anh với chị Thạch Thị Thúy T kết hôn vào khoảng năm 2008. Anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M vào ngày 26 tháng 4 năm 2011. Trong quá trình chung sống anh chị có 02 người con chung tên Kiên Thanh B, sinh ngày 01 tháng 5 năm 2010 và Kiên Minh T, sinh ngày 17 tháng 11 năm 2016. Hiện các con đang sống với anh. Anh chị không tạo lập được tài sản chung và không có nợ chung.

Trong quá trình chung sống anh chị không có phát sinh mâu thuẫn nhưng anh thừa nhận có ghen tuông. Đến năm 2020 vợ anh đi làm tại Đồng Nai rồi sau đó không chịu về ở với anh. Anh có năn nỉ nhưng vợ anh vẫn không đổi ý.

Nay đối với các yêu cầu của chị T anh có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Anh S không đồng ý ly hôn với chị Thạch Thị Thúy T mà yêu cầu được đoàn tụ.
- Về con chung: Anh S đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Kiên Thanh B, sinh ngày 01 tháng 5 năm 2010 và Kiên Minh T, sinh ngày 17 tháng 11 năm 2016. Anh S không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Em Kiên Thanh B là con chung của chị T và anh S vắng mặt tại phiên tòa nhưng có ý kiến trình bày bằng văn bản trong quá trình giải quyết vụ án như sau: Nguyện vọng của em muốn sống với cả cha và mẹ.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các đương

sự có cơ hội đoàn tụ và thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên việc hòa giải không tiến hành được do các đương sự không thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án. Vì vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, chị Thạch Thị Thúy T và anh Kiên S thống nhất giao 02 người con chung cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng; về tài sản chung và nợ chung không có. Đối với vấn đề hôn nhân chị T yêu cầu ly hôn, anh S yêu cầu được đoàn tụ; các đương sự không nộp thêm tài liệu, chứng cứ và không đề nghị Tòa án triệu tập thêm ai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, những người tham gia tố tụng và quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thạch Thị Thúy T. Tuyên xử chị Thạch Thị Thúy T được ly hôn với anh Kiên S. Về con chung: Giao cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng hai người con chung tên Kiên Thanh B, sinh ngày 01 tháng 5 năm 2010 và Kiên Minh T, sinh ngày 17 tháng 11 năm 2016. Chị T không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có. Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật của vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Bị đơn cư trú tại ấp Thanh Nguyên A, xã Mỹ Chánh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về mặt nội dung: Chị Thạch Thị Thúy T và anh Kiên S xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào ngày 26 tháng 4 năm 2011. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Trong quá trình chung sống, chị T cho rằng có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh S ghen tuông vô cớ, xúc phạm, làm tổn thương tinh thần chị. Anh S cho rằng giữa anh chị không có phát sinh mâu thuẫn và không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên kể khi phát sinh mâu thuẫn đến khi Tòa án hòa giải và đưa vụ án ra xét xử anh S không có động thái gì để hàn gắn quan hệ hôn nhân. Điều đó cho thấy mặc dù anh S có ý kiến không đồng ý ly hôn nhưng thật sự bản thân anh cũng không coi trọng việc đoàn tụ. Trong quá trình hòa giải Tòa án đã động viên, phân tích. Tuy nhiên chị T vẫn cương quyết ly hôn. Xét thấy hôn nhân giữa chị T và anh S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ để chấp nhận. Yêu cầu đoàn tụ của anh S là không có căn cứ để chấp nhận.

[3] Về con chung: Em Kiên Thanh B, sinh ngày 01 tháng 5 năm 2010 và em Kiên Minh T, sinh ngày 17 tháng 11 năm 2016, đều đang sống với anh S. Em B đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng muốn sống với cả cha và mẹ. Chị T và anh S thống nhất giao em B và em T cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy sự thỏa thuận này là phù hợp. Căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử xét thấy nên chấp nhận. Chị T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được ngăn cản.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh S không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh S thống nhất không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Xét thấy ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành là phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được nên có căn cứ để chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 53, 54, 56, 57, 58 và Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thạch Thị Thúy T.

Về hôn nhân: Chị Thạch Thị Thúy T được ly hôn với anh Kiên S.

Về con chung: Giao con chung tên Kiên Thanh B, sinh ngày 01 tháng 5 năm 2010 và em Kiên Minh T, sinh ngày 17 tháng 11 năm 2016 cho anh Kiên S tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị Thạch Thị Thúy T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Kiên S không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Thạch Thị Thúy T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004723 ngày 10 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh nên chị T không phải nộp thêm.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Châu Thành;
- Đường sự;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã M;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Anh Khoa